

Bản án số: 727/2026/HSPT

Ngày: 03/9/2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Hoài Nam

2. Ông Trương Công Huân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Đức – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 681/2026/HSPT ngày 06/8/2026 đối với bị cáo Nguyễn Thành L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 916/2026/HSST, ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành L**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06/10/1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 07909002xxxx; Nơi thường trú: Căn hộ A18.05 chung cư S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: 262/28/14 LBB, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L2 và bà Hồ Thị L3; Vợ: Trần Thị L4 (đã ly hôn); Con: có 01 người con (sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09/5/2026 đến nay.

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị: Không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/6/2019, Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm (sau đây gọi tắt là “Công ty”) do ông Phạm Hồng Q là người đại diện theo pháp luật đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HCM.206167/2019/HĐHTKD-GHTK ngày 12/6/2019 với Nguyễn Thành L. Theo nội dung hợp đồng, Nguyễn Thành L có nhiệm vụ sử dụng dịch vụ giao nhận hàng hóa là bưu phẩm, bưu kiện cho khách hàng sử dụng dịch vụ bưu chính của Công ty thông qua ứng dụng của Công ty trên điện thoại di động của Nguyễn Thành L để xác định địa điểm lấy hàng và giao hàng, nhận hàng hóa là bưu phẩm, bưu kiện cho khách hàng. Thực hiện các công việc giao hàng, lấy hàng, kiểm tra tình trạng đơn hàng, thu tiền hộ, chuyển trạng thái đơn hàng trên ứng dụng, chốt và nộp tiền thu hộ theo ca ngày về Công ty. Cụ thể, hàng ngày vào lúc 16 giờ 00 phút, L nhận hàng từ kho của Công ty tại địa chỉ 67 K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến cuối ngày làm việc khoảng 22 giờ 00 phút, L phải mang tiền mà khách hàng đã thanh toán cho các đơn hàng về nộp lại cho Công ty. Đối với các đơn chưa giao kịp cho khách thì L phải mang về giao lại kho của Công ty.

Vào khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 14/9/2019, Nguyễn Thành L nhận đủ 47 đơn hàng với tổng số tiền phải thu là 22.294.330 đồng, từ kho hàng của Công ty để đi giao cho người đã đặt mua tại khu vực Khu phố Z, phường H, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Danh sách cụ thể đơn hàng, giá tiền của 47 đơn hàng được thể hiện tại Bảng kê ngày 11/11/2019 tại các Bút lục 64-65 có tài hồ sơ vụ án.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, khi L đã giao xong 44 đơn hàng, nhận đủ số tiền phải thu là 18.574.230 đồng, L đã vào ứng dụng trên điện thoại di động xác nhận gửi về Công ty là đã hoàn thành việc giao hàng, nhận đủ tiền 44/47 đơn hàng thành công (trong đó có 01 đơn hàng mã số S14268.SG1.30E4.3259 72863 chỉ giao hàng không thu tiền). Còn 03 đơn hàng chưa giao xong có tổng giá trị 3.720.100 đồng, cụ thể: mã Đơn hàng: S4381667.SG1.30 E2.373776028 theo số điện thoại đặt hàng 093261xxxx của chị Lý Thị T; mã đơn hàng S11612.SG1.30E4. 339700104 theo số điện thoại đặt hàng 0708788339 của anh Hoàng Nguyễn Quốc Thanh và mã đơn hàng S14268 theo số điện thoại đặt hàng 035559xxxx của chị TP. Ngay sau đó, L nảy sinh ý định chiếm đoạt hết số tiền đã thu hộ 18.574.230 đồng của Công ty dùng vào việc cá nhân. Cụ thể, L đã lấy số tiền 14.820.000 đồng trong tổng số tiền mà L thu từ giao hàng cho khách vào ngày 14/9/2019 (18.574.230 đồng) để trả nợ vay từ người tên P (không rõ lai lịch, mà L vay mượn qua thông tin vay tiền tín chấp dán trên cột điện khu vực Cá sấu Hoa Cà (phường H cũ), trong đó tiền vay là 14.000.000 đồng, tiền lãi 03 tháng 04 ngày là 820.000 đồng, số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân mà không mang về nộp lại cho Công ty. Sau khi chiếm đoạt số tiền được giao quản lý nói trên và vứt bỏ 03 (ba) đơn hàng chưa giao được tại bãi rác kế bên nhà số 459 KVC, phường H (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), L trốn về khu vực thành phố Cần Thơ sống và cắt đứt liên hệ với Công ty.

Sau nhiều lần liên lạc và tìm kiếm Nguyễn Thành L để yêu cầu L trả lại tiền đã thu hộ cho Công ty nhưng không thành, ngày 26/9/2019, ông Kiều Quang Huy đại diện Công ty đến Công an quận TĐ trình báo sự việc L đã chiếm đoạt tiền của Công ty. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đưa Nguyễn Thành L về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Về trách nhiệm dân sự: Vào các ngày 27/3/2026 và ngày 05/5/2026, Nguyễn Thành L nộp trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm là 22.294.330 đồng. Bà Ngô Thảo N người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Giao hàng tiết kiệm đã có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thành L.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 916/2026/HSST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025;

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Tham ô tài sản”;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt tù.

+ Hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025;

+ Cấm bị cáo Nguyễn Thành L đảm nhiệm công việc giao hàng trong thời gian 01 (một) năm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2026, bị cáo Nguyễn Thành L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L được làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung, các tình tiết bị cáo viện dẫn đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị cáo Nguyễn Thành L giữ nguyên kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội, trình bày đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

+ Lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, xin được khoan hồng về hình phạt, được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L được làm trong thời hạn và đúng thủ tục quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, nội dung Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HCM.206167/2019/HĐHTKD-GHTK ngày 12/6/2019, bảng kê giao nhận đơn hàng, tài liệu xác định số tiền thu hộ, nội dung trình báo của Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ xác định: Theo hợp đồng đã ký kết, bị cáo được Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm giao nhiệm vụ nhận, quản lý, giao hàng, thu tiền hộ và nộp lại toàn bộ số tiền đã thu cùng số hàng chưa giao được cho Công ty. Ngày 14/9/2019, sau khi giao thành công 44 đơn hàng và thu được 18.574.230 đồng, bị cáo không nộp số tiền này cho Công ty mà sử dụng 14.820.000 đồng để trả nợ, số còn lại tiêu xài cá nhân; đồng thời vứt bỏ 03 đơn hàng chưa giao được rồi rời khỏi địa phương, cắt đứt liên lạc với Công ty.

Hành vi lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành L về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng khi xem xét toàn diện mức độ hậu quả, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đã được xác định, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo không có tiền án, tiền sự; số tiền chiếm đoạt không lớn so với mức khởi điểm của khung hình phạt; bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại trước khi xét xử sơ thẩm; bị hại đã nhận đủ tiền và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Các tình tiết này thể hiện hậu quả của tội phạm đã được khắc phục hoàn toàn và khả năng tự cải tạo của bị cáo, cần được cân nhắc đầy đủ khi cá thể hóa hình phạt.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Nên Hội đồng xét xử, giảm cho bị cáo một phần hình phạt vẫn bảo đảm tính nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng đối với người thành khẩn, tích cực khắc phục hậu quả. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về yêu cầu giảm hình phạt và không chấp nhận yêu cầu cho hưởng án treo; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành L; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 916/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Căn cứ khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự: Cấm bị cáo Nguyễn Thành L đảm nhiệm công việc giao hàng trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thành L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TPT TANDTC tại Tp.HCM; | (1) |
| - VKSND Tp.HCM; | (3) |
| - VKSND Khu vực X; | (1) |
| - THA-DS Khu vực X; | (1) |
| - TAND Khu vực X; | (2) |
| - Công an Tp.HCM; | (1) |
| - Phòng PV 06 - CA Tp. HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ. (18) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Viết Hùng